TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **65**/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 28 - 7 - 2022
"Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa

Ông Nguyễn Tấn Để

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Diễm Nđ, sinh năm 1994. Địa chỉ: ấp 6Đ, xã N, huyện An Biên, Kiên Giang; có mặt

Bị đơn: Anh Lê Chí Bđ**,** sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp C, xã V, huyện An Minh, Kiên Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07-02-2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Diễm Nđ trình bày và yêu cầu như sau:

Chị Nđ và anh Bđ cưới nhau vào năm 2013; anh chị đăng ký kết hôn và được UBND xã V cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/8/2013. Vợ chồng sống chung có 02 đứa con chung tên Lê Thị Ngọc Lq1, sinh ngày 12/02/2014 và Lê Chí Lq2, sinh ngày 05/9/2015; Hai đứa con hiện đang sống với anh Bđ.

Quá trình sống chung phát sinh mâu thuẫn, chủ yếu là do anh Bđ không lo làm ăn, suốt ngày ăn nhậu say xỉn, về nhà chữi mắng chị Nđ nên anh chị đã ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay.

Chị Nđ khởi kiện xin ly hôn với anh Bđ; về con chung chị Nđ giao cho anh Bđ nuôi dưỡng, chị Nđ không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chị Nđ không tranh chấp, không yêu cầu gì.

Bị đơn anh Lê Chí Bđ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại Giấy thể hiện nguyện vọng: cháu Lq1 và cháu Lq2 xác định hiện đang sống với anh Bđ và có nguyện vọng khi cha, mẹ ly hôn cháu sống với cha là anh Bđ.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn vắng mặt nên đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định, việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX cho chị Nđ được ly hôn với anh Bđ; về con: giao anh Bđ nuôi 02 con chung, chị Nđ không cấp dưỡng nuôi con; tài sản, nợ không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo các tài liệu gồm: xác nhận ngày 07-02-2022 của Ban lãnh đạo ấp C và Sổ hộ khẩu cho thấy anh Bđ có nơi cư trú là ở ấp C, xã V, huyện An Minh nên Tòa án nhân dân huyện An Minh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Bđ đều vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh Bđ vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Bđ.

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị Nđ và anh Bđ chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2013. Sau đó đăng ký kết hôn và được UBND xã V cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/8/2013 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Chị Nđ và anh Bđ sống chung một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh, chị có nhiều bất đồng về quan điểm, không hòa hợp về cách sống; anh Bđ thường uống rượu say dẫn đến cự cải và anh chị ly thân từ năm 2019 đến nay.

Khi Tòa án thông báo về yêu cầu ly hôn của chị Nđ thì anh Bđ không có ý kiến; tiến hành ghi lời khai thì anh Bđ có ý kiến không đồng ý ly hôn nhưng lại không động tác gì; anh chị ly thân đã hai năm nhưng anh Bđ không tìm biện pháp để hàn gắn mà bỏ mặc; khi Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ thì anh Bđ vắng mặt không tham dự. Việc anh Bđ không tham dự phiên hòa giải, phiên tòa vừa vi phạm nghĩa vụ bị đơn vừa đánh mất cơ hội hòa giải đoàn tụ tại Tòa án. Từ đó cho thấy giữa chị Nđ với anh Bđ mục đích hôn nhân đã không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nđ được ly hôn với anh Bđ.

[4] Về con chung, anh chị có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc Lq1, sinh ngày 12/02/2014 và Lê Chí Lq2, sinh ngày 05/9/2015; hiện đang sống chung với anh Bđ; các cháu có nguyện vọng sống chung với cha sau khi cha mẹ ly hôn; chị Nđ đồng ý giao con cho anh Bđ nuôi dưỡng. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Lq1 và cháu Lq2 cho anh Bđ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nđ không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn do anh Bđ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị Nđ không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí, nguyên đơn chị Nđ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trần Thị Diễm Nđ và anh Lê Chí Bđ.

2. Về con chung: Giao con chưa thành niên tên Lê Thị Ngọc Lq1, sinh ngày 12/02/2014 và Lê Chí Lq2, sinh ngày 05/9/2015 cho anh Bđ trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn; chị Nđ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí, chị Nđ chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0005282 ngày 07-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, chị Nđ đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nđ có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Bđ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- UBND X. V, AM, KG;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công